Buổi 3

Pp kiểm thử :

Kiểm thử hộp trắng m ( white box testing )

Kiểm thử hộp đen ( black box testing)

Kiểm thử hộp xám (gray box testing)

Kiẻm thử hộp trắng : nhìn thấy cấu trúc bên trong code ( am hiểu cấu trúc lập trình )

Kiểm thử hộp đen ( k thấy ctruc bên trong , so sánh phần mềm xem có giống mong đợi của khácg hàng không )

Log bug ( ghi nhận bug lên hệ thông quản lý lỗi )

Kiểm thử hộp xám ( đọc code một phần sau đó dùng pp kiểm thử hộp đen sau đó so sánh )

Manual Testing

4 kĩ thuật :

Phân vùng tương đương

Phân tích giá trị biên

Bảng quyết định

Đoán lỗi

Phân vùng tương đương :

Chia đầu vào thành hai vùng ( hợp lệ hoặc k hợp lệ )

Vùng hợp lệ ( hiển thị thành công )

Mục đích : giảm thiểu số lượng testcase cần phải test

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Input | Các lp tương đương hợp lệ | K hợp lệ |
| Số zipcode | Nhập zipcode = 5 chứ số | <5 |
|  |  | >5 |
|  |  | Nhập chữ |
|  |  | Kí tự đặc biệt |
|  |  | Để trống |
|  |  |  |
|  |  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Input | Các lớp tương đương hợp lệ | K hợp lệ |
| Username | [6,20] kí tự | <6 |
|  |  | >20 |
|  |  | Kí tự đặc biệt |
|  |  | Để trống |
|  |  |  |

Chặn k cho phép nhập kí tự đặc biệt

Kĩ thuật phân tích gía trị biên ( hợp lệ và k hợp lệ )

4 case 5 case 6 case

Min-1 min-1 min-1

Min min min

Max max min+1

Max+1 max+1 max-1

Giữa min , max max

Max+1

Luôn Test giá trị 0 và giá trị không nhập gì

5 case

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Case 1 | 0 | Không hợp lệ |
| Case 2 | Tháng 1 | Hợp lệ |
| Case 3 | Tháng 12 | Hợp lệ |
| Case 4 | Tháng 13 | Không hợp lệ |
| Case 5 | Tháng 6 | Hợp lệ |
|  |  |  |

Bảng quyết định

Cần nhiều sự kết hợp

+ b1 : liệt kê tất cả các input

+b2: tính số lượng kết hợp

+b3:biểu diễn bằng giá trị T/F

+b4: tính ra output- giảm thiếu các case kết hợp

Đoán lỗi

Không theo bất kì quy tắc nào

Autotrimspace – loại bỏ khoảng trắng đầu / giữa / cuối

Mật khẩu : phân biệt chữ hoa , thường

Coi space = 1 kí tự

Cho phép nhập kí tự đặc biệt

Phải được mã hoá